

Số: **300/2021/QĐ-PQTT**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán: 1. Bà Trương Thị Thảo

2. Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Võ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Hồng Hoa- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 tháng 02; ngày 02 và 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 204/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu Hủy phán quyết trọng tài theo Quyết định mở phiên họp số 899/2020/QĐ-MPH ngày 29/12/2020 và Quyết định hoãn phiên họp số 421/2021/QĐST-KDTM ngày 19/01/2021 giữa các đương sự:

Người yêu cầu: **Công ty cổ phần tập đoàn F**

Địa chỉ: Tầng 29, Tòa nhà B, số 265 C, phường D, quận G, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH S

Địa chỉ: Tầng 3 Khu văn phòng Tòa nhà F, đường L, phường M 2, quận N, Thành phố H.

Công ty Luật TNHH S ủy quyền lại cho:

Bà Nguyễn Thị Hồng N

Bà Nguyễn Thị Hồng T

Cùng địa chỉ: Tầng 3 Khu văn phòng Tòa nhà F, đường L, phường M 2, quận N, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng H.**

Địa chỉ: 235 V, Phường A, Quận B, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH A

Địa chỉ: Phòng 304, lầu 3, số 32 X, Phường C, quận B, Thành phố H.

Công ty Luật TNHH A ủy quyền lại cho:

- Ông Thái Nguyên T
- Ông Dương Tuấn L
- Ông Ngô Trọng H
- Ông Bùi Vĩnh L
- Ông Đặng Xuân Đ

Cùng địa chỉ liên hệ: 32 X, Phường V, quận B, Thành phố H.

Tại phiên họp các đại diện hợp pháp của đương sự có mặt.

Nội dung vụ việc:

Ngày 01/12/2014, Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty cổ phần tập đoàn F (sau đây gọi tắt là Công ty F) ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 18/2014/HĐTC/FLC-HBC (Hợp đồng 18) với các nội dung thỏa thuận: Bị đơn đồng ý giao nguyên đơn cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp phần kết cấu, hoàn thiện, cơ điện và nội thất hạng mục Khu Fusion và Khu Alacarte thuộc dự án Khu đô thị du lịch sinh thái F Sầm Sơn tại địa điểm xã Q, Thị xã S, tỉnh T, với giá trị tạm tính là 737.914.034.027 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Nguyên đơn đã tiến hành thi công công trình và cung cấp vật tư, thiết bị đúng thỏa thuận trong Hợp đồng 18 với giá trị quyết toán (tổng giá trị xuất hóa đơn) là 418.589.275.527 đồng và đã được bị đơn tạm ứng, thanh toán 03 lần với số tiền 255.000.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn cũng đã bàn giao các hạng mục công việc theo Hợp đồng 18, nguyên đơn đã bàn giao công trình cho bị đơn đưa vào vận hành kinh doanh kể từ tháng 8/2015 theo công bố công khai của bị đơn.

Phía nguyên đơn đã hoàn tất đầy đủ các thủ tục hồ sơ quyết toán Hợp đồng 18 và chuyển giao hợp lệ các tài liệu này vào ngày 08/8/2016. Tuy nhiên bị đơn không phê duyệt cũng như không thanh toán tổng số tiền còn lại trong Hợp đồng 18 là 163.589.275.527 đồng.

Qua nhiều lần xử lý công nợ, nguyên đơn đã đồng ý giảm cho bị đơn một phần tiền lãi phạt theo Hợp đồng 18 là 9.951.537.863 đồng. Hai bên thống nhất nợ và lãi chậm thanh toán là 213.150.684.628 đồng, số tiền này luôn được bị đơn xác nhận và đưa vào báo cáo tài chính của bị đơn từ cuối năm 2016 đến 2017 và đưa vào Báo cáo bạch gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện nghĩa vụ của nhà phát hành cổ phần.

Ngày 30/6/2018, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0002143 cho số tiền còn lại của Hợp đồng 18 là 163.589.275.527 đồng và bàn giao hóa đơn này cho bị đơn. Bị đơn đã nhận được hóa đơn này vào ngày 19/7/2018. Từ đó đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn như đã xác nhận.

Ngày 01/10/2018, bị đơn có Công văn số 689/FLC-VPTĐ tuyên bố chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ theo Hợp đồng 18 là 52.678.517.591 đồng với lý do nguyên đơn thường xuyên không đảm bảo nhân lực theo yêu cầu, chất lượng thi công không đảm bảo, cần phải sửa chữa nhiều làm chậm tiến độ của dự án. Nguyên đơn không đồng ý và cho rằng từ khi khởi công xây dựng công trình cho đến khi hoàn thành việc thi công theo thỏa thuận, nguyên đơn hoàn toàn tuân thủ các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng.

Ngày 06/2/2020, Công ty H đã nộp đơn khởi kiện Công ty F tại Trung tâm trọng tài quốc tế V yêu cầu bị đơn thanh toán tổng cộng 238.154.791.177 đồng, bao gồm tiền nợ gốc 163.589.275.527 đồng, tiền phạt do chậm trả 16.304.540.869 đồng, lãi chậm trả 52.760.902.781 đồng, phí luật sư 5.500.000.000 đồng.

Ngày 14/11/2020, Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế V lập tại Thành phố H đã ban hành Phán quyết Trọng tài số 13/20 HCM có nội dung như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bị đơn – Công ty cổ phần tập đoàn F phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng H số tiền 234.854.719.177 đồng, cụ thể gồm các khoản:

- a) Tiền nợ gốc còn thiếu là 163.589.275.527 đồng
- b) Tiền phạt và tiền lãi chậm trả là 69.065.443.650 đồng
- c) Chi phí luật sư là 2.200.000.000 đồng

Tổng cộng: 234.854.719.177 đồng.

2. Nguyên đơn đã nộp tổng phí trọng tài với số tiền 2.272.574.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ phí trọng tài là 2.272.574.000 đồng.

3. Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ các khoản tiền nêu tại mục IV.1 và Mục IV.2 của Phán quyết này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập Phán quyết này. Trong trường hợp chậm thanh toán:

a) Đối với khoản tiền tại Mục IV.1.a, kể từ ngày 18/10/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bị đơn trả thêm tiền lãi với mức lãi suất là 12%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

b) Đối với các khoản ở các mục IV.1.b. IV.1.c và Mục IV.2, kể từ ngày lập Phán quyết cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bị đơn phải trả thêm tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Phán quyết Trọng tài được lập ngày 14/11/2020 tại Thành phố H, Việt Nam. Phán quyết trọng tài này có giá trị chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày lập.

Không đồng ý với Phán quyết của trọng tài, ngày 20/11/2020, Công ty cổ phần tập đoàn F đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí

Minh yêu cầu xem xét huỷ toàn bộ nội dung Phán quyết Trọng tài số 13/20 HCM ngày 14/11/2020 của VIAC với các lý do Hội đồng Trọng tài vụ tranh chấp 13/20 HCM đã không xem xét khách quan tài liệu chứng cứ giao nộp, sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ, ban hành Phán Quyết không phù hợp với quy định pháp luật, trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Tại phiên họp ngày 02/02/2021, đại diện người yêu cầu Công ty cổ phần tập đoàn F vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Đồng thời cho rằng, tại phiên họp có đề nghị triệu tập kiểm toán viên và Công ty kiểm toán để làm rõ số liệu mà phía Công ty H khởi kiện. Sau phiên họp, phía Công ty F có nộp đĩa ghi âm kèm theo bản dịch để chứng minh lời trình bày của mình. Đồng thời, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, đề nghị Hội đồng trọng tài cung cấp biên bản phiên họp, có hay không đề nghị thu thập chứng cứ của phía Công ty F, làm rõ việc phân bổ chi phí luật sư trong phán quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng H trình bày: Công ty H vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ để xác định Hội đồng trọng tài đã vi phạm tố tụng trọng tài trong quá trình giải quyết vụ án. Nội dung phán quyết không vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Do đó, đề nghị hội đồng xét đơn căn cứ Khoản 5 Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại không chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty F.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 14/11/2020 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 13/20 HCM (sau đây gọi tắt là Phán quyết trọng tài). Ngày 20/11/2020, Công ty cổ phần tập đoàn F nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[2] Về nội dung: Xét thấy người yêu cầu là Công ty cổ phần tập đoàn F đề nghị hủy phán quyết trọng tài do Hội đồng trọng tài vi phạm thủ tục tố tụng

trọng tài, cụ thể là tại phiên họp, đã đề nghị triệu tập kiểm toán viên để làm rõ các số liệu mà Công ty H đã đưa ra tại phiên họp nhưng Hội đồng trọng tài không triệu tập, phán quyết của trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

[2.1] Xét thấy về thủ tục tố tụng: Tại Tòa án, Công ty F có nộp cho Tòa án băng đĩa ghi âm kèm theo bản dịch để chứng minh rằng tại phiên họp có yêu cầu triệu tập kiểm toán viên. Phía Công ty H cũng thừa nhận tại phiên họp, phía Công ty F có đề nghị Hội đồng trọng tài triệu tập kiểm toán viên, tuy nhiên, sau đó, phía Công ty F cho rằng sẽ đề nghị Công ty kiểm toán có văn bản giải thích cho Hội đồng trọng tài. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án các bên không yêu cầu trưng cầu giám định băng ghi âm, hơn nữa, việc yêu cầu triệu tập kiểm toán viên và việc này đã được phía Công ty H thừa nhận. Do đó, căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc trường hợp không phải chứng minh và cũng không cần thiết giám định băng ghi âm.

[2.2] Theo Văn bản số 283/VIAC-HCM ngày 22/2/2021 của Hội đồng trọng tài phiên họp thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế V thì “Theo Khoản 2 Điều 55 Luật Trọng tài thương mại, Khoản 3 Điều 25 Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài có hiệu lực ngày 01/2/2017 và được nêu rõ trong Giấy triệu tập số 1419/VIAC-HCM, bị đơn hoàn toàn có quyền mời các kiểm toán viên này tham gia phiên họp với tư cách là người làm chứng, tuy nhiên bị đơn đã không thực hiện quyền này...Tại phiên họp giải quyết tranh chấp ngày 17/10/2020, bị đơn cũng đã xác nhận “ không còn cung cấp thêm bất cứ ý kiến, tài liệu nào để cung cấp.”

[2.3] Tại Biên bản phiên họp ngày 17/10/2020 của Trung tâm trọng tài thể hiện: *“các bên không có ý kiến phản đối nào về quá trình tiến hành tố tụng trọng tài, các bên thống nhất trọng tài không vi phạm nguyên tắc cơ bản, không phản đối tính xác thực của tất cả các tài liệu được các bên nộp trong quá trình tố tụng trọng tài, xác nhận các sự kiện, nội dung được nêu trong các tài liệu này và đề nghị hội đồng trọng tài xem xét là các chứng cứ để giải quyết tranh chấp”*. Biên bản phiên họp này có chữ ký của bên Công ty F và Công ty H ký xác nhận vào. Như vậy, mặc dù phía Công ty F có đề nghị triệu tập kiểm toán viên nhưng sau đó đã không phản đối quá trình tố tụng trọng tài, cuối buổi họp đã ký xác nhận vào Biên bản phiên họp với nội dung không khiếu nại thủ tục trọng tài, không phản đối tính xác thực của các chứng cứ mà các bên nộp. Do đó, không có cơ sở để xác định Hội đồng trọng tài đã vi phạm thủ tục trọng tài.

[2.4] Ngoài ra, đối với số nợ mà Công ty H yêu cầu Công ty F phải thanh toán thì hội đồng xét đơn đã xem xét nội dung phán quyết của Hội đồng trọng tài không chỉ dựa vào Thư xác nhận của Công ty F mà còn dựa các Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016-2017, trong đó, phía Công ty F đã đưa vào Báo cáo tài chính của mình số nợ của Hợp đồng số 18 ký với Công ty H, số nợ 163.589.275.527 đồng nợ gốc và 26.526.078.722 đồng tiền lãi phạt. Như vậy, việc triệu tập kiểm toán viên là không cần thiết và hội đồng trọng tài đã dựa vào các chứng cứ này để ban hành phán quyết là không phải sử dụng

chứng cứ giả mạo và cũng không vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

[2.5] Ngoài ra, Phía Công ty F cho rằng Hội đồng trọng tài đã ban hành phán quyết sai vì tính toán phần lãi vượt quá mức lãi trung bình quá hạn trên thị trường theo Điều 306 Luật Thương mại, phân bổ chi phí luật sư quá cao. Xét thấy tại Khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài cũng quy định rằng: “*Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết*”. Do đó, nội dung này của Công ty F, hội đồng xét đơn không có thẩm quyền giải quyết.

[2.6] Như vậy, các lý do đề nghị hủy Phán quyết trọng tài của Công ty F không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại. Do đó, không có cơ sở hủy Phán quyết Trọng tài vụ kiện số 13/20 HCM ngày 20/11/2020 của Trung tâm trọng tài quốc tế V lập tại Thành phố H.

[2.7] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ F về việc hủy phán quyết trọng tài. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[2.8] Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu của Công ty F.

[2.9] Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp của yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án, tuy nhiên trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty cổ phần tập đoàn F không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điều a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 43, Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần tập đoàn F về việc hủy Phán quyết Trọng tài số 13/20 HCM ngày 14/11/2020 tại Thành phố H của Trung tâm trọng tài quốc tế V.

2. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 9 tháng 3 năm 2021. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Trung tâm Trọng tài quốc tế VN (VIAC);
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
Thẩm phán – Chủ Tòa phiên họp**

Nguyễn Thị Thùy Dung